

Bản án số: 39/2019/HS-ST

Ngày: 09/10/2019

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Quốc Dũng;

- Bà Võ Thị Kim Linh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG tham gia phiên tòa:*** Bà Cù Ngọc Sang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2019/QĐXXST-HS ngày 23/9/2019 đối với các bị cáo:

1. Cao Tấn N, sinh ngày 19/9/1986; Nơi sinh: TC - AG; Nơi cư trú (ĐKHKT): ấp PH, xã PV, thị xã TC, tỉnh AG; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 03/12; Giới T: nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Con ông Cao Hữu H (chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961; vợ: Phạm Thị Ngọc C, sinh năm 1983; con: có 02 người, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010.

T án, T sự: Không;

Ngày 18/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Cao Tấn N

2. Đỗ Thương T, sinh năm 1974; Nơi sinh: TC - AG; Nơi cư trú (ĐKHKT): ấp PH 2, xã LC, thị xã TC, tỉnh AG; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 05/12; Giới T: nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Con ông Đỗ Văn D, sinh năm 1935 và bà Bùi Thị Ủ, sinh năm 1935; vợ: Phạm Thị K, sinh năm 1979; con: có 02 người, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2002.

T án, T sự: Không;

Ngày 18/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Đỗ Thương T.

Các bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Anh Lê Văn T, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp PH 2, xã LC, thị xã TC, tỉnh AG (đã chết).

*Người đại diện hợp pháp của bị hại*: Ông Lê Văn X, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp PH 2, xã LC, thị xã TC, tỉnh AG, ông X và bà L có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Tô Thị H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp 1, xã VX, thị xã TC, tỉnh AG, vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Đỗ Văn Q, vắng mặt;
2. Ông Phan Thanh S, vắng mặt;
3. Ông Lưu Văn L (Ốt), vắng mặt;
4. Ông Nguyễn Thành N, vắng mặt;
5. Ông Nguyễn Văn T (Năm T), vắng mặt;
6. Bà Nguyễn Thị Tú A, vắng mặt;
7. Ông Trương Văn N (Sáu N), vắng mặt;
8. Ông Trần Thanh H (Cu), vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu năm 2018, Đỗ Thương T thuê Cao Tấn N điều khiển xe ô tô tải, biển kiểm soát 67L-6793 và Lê Văn T điều khiển xe cuốc đất cho T. N và T có trách nhiệm, khi có người mua đất san lấp mặt bằng thì T điều khiển xe cuốc đưa đất lên xe ô tô tải, biển kiểm soát 67L-6793 để N chở đất đi san lấp. Khi thuê N làm việc, T biết N không có giấy phép lái xe ô tô nhưng T vẫn giao cho N điều khiển xe ô tô tải, biển kiểm soát 67L-6793 và T biết xe ô tô tải trên, đã hết hạn đăng kiểm nhưng T vẫn giao cho N sử dụng để chở đất đi san lấp mặt bằng cho người khác, còn T thì điều khiển xe cuốc để đưa đất lên xe ô tô tải cho N chở đi.

Ngày 26/01/2019, N đã điều khiển xe ô tô tải, biển kiểm soát 67L-6793 chở đất để san lấp mặt bằng cho ông Nguyễn Văn T được 12 chuyến. Sau đó, N điều khiển xe ô tô tải về bãi xe của Đỗ Thương T đậu và để chìa khóa xe trên đầu của xe ô tô tải. Đến sáng ngày 27/01/2019, N đến bãi đậu xe của T lấy xe ô tô tải điều khiển đến khu vực Kênh 30/4 thuộc ấp PA B, xã PV, thị xã TC để tiếp tục lấy đất san lấp mặt bằng cho ông T, khi chở đất cho ông T được 02 chuyến, thì

xe ô tô tải bị gãy cốt xe. Lúc này, N gọi điện cho T nói việc xe ô tô tải bị hư, T kêu N đi đến Cửa hàng Nam Hòa Lợi thuộc khóm LT A, phường LT mua cốt xe mới về thay vào xe tải, nên N đi mua rồi về thay vào xe ô tô tải. Đến khoảng 13 giờ 00 cùng ngày, T điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 67B1- 447.45, N điều khiển xe ô tô tải, biển kiểm soát 67L- 6793 đi đến khu vực Kênh 30/4 để lấy đất. Khi đi, cả hai đi theo hướng xã PV - xã LA. Lúc này, T điều khiển xe mô tô chạy trước, N điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 67L-6793 chạy sau và khoảng cách giữa hai xe là khoảng 03 mét, tốc độ của cả 02 xe là khoảng 20 - 30 km/h. Khi cả hai đi đến khu vực tổ 6, ấp PH, xã PV, thị xã TC, T nhìn thấy một đàn vịt đi ngang đường nên T điều khiển xe mô tô chậm lại, khoảng cách giữa xe mô tô do T điều khiển và khoảng cách xe ô tô tải do N điều khiển gần nhau. Lúc này, N liền đạp phanh cho xe ô tô tải chạy chậm lại, nhưng không phanh được nên đầu xe ô tô tải, đụng vào phía sau xe mô tô do T điều khiển, làm xe mô tô và T ngã xuống đường, bánh xe sau phía bên trái của xe ô tô tải cán lên người của T, làm T bị thương. Sau đó, N và mọi người xung quanh đưa T đến Bệnh viện Đa khoa thị xã TC để cấp cứu, nhưng do vết thương nặng nên T đã chết trên đường đi đến Bệnh viện.

Kết luận giám định pháp y tử thi số 16/KLGT-PC54, ngày 27/01/2019 của Trung Tâm pháp y - Sở y tế, tỉnh AG, kết luận: Nguyên nhân chết của anh Lê Văn T: Chấn thương sọ não, vỡ sán sọ.

Biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 13 giờ 30 phút ngày 27/01/2019, sơ đồ và các ảnh ghi lại:

- Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn giao thông là đường hai chiều, không vạch kẻ phân chia phần đường ở giữa. Không có đặt biển báo đường bộ, chiều rộng mặt đường là 3,05 mét. Hình dáng đoạn đường: Thẳng – phẳng. Kết cấu mặt đường: Bê tông.

- Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết: (1) Nạn nhân Lê Văn T; (2) Phương tiện 67B1 – 447.45; (3) Phương tiện 67L-6793; (4), (5), (6), (8), (9) vết cày; (7) Vùng mảnh vỡ; (10) bình nước; (11) dấu chân vịt đi.

- Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn: Chọn trụ số 4/21B48 có vị trí trên phần đất bên phải theo hướng PV – LA làm điểm mốc. Chọn mép đường bên trái theo hướng PV – LA làm chuẩn.

- Mô tả theo số thứ tự vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết:

- + (1) Nạn nhân Lê Văn T: Ngã xuống đường, đầu nạn nhân hướng Tây Nam, hai chân nạn nhân hướng Đông Bắc. Tâm hình chiếu đỉnh đầu nạn nhân đến mép đường là 1,26 mét; đến trục sau bên phải của phương tiện (3) là 06 mét và đến trục sau phương tiện (2) là 1,92 mét.

- + (2) Phương tiện 67B1 – 447.45: Ngã về vị trí bên trái, vị trí trên mép đường bên phải hướng PV – LA; đầu phương tiện hướng Đông Bắc, phần sau xe hướng Tây Nam. Tâm hình chiếu trục bánh trước phương tiện đến mép đường là

3,55 mét đến tâm bình nước (10) là 5,95 mét và đến điểm cuối vết cày (9) là 1,30 mét.

+ (3) Phương tiện 67L-6793: Có vị trí đỗ gần giữa đường, đầu phương tiện hướng Tây Bắc, phần sau phương tiện hướng Đông Nam. Tâm hình chiếu trục trước bên trái phương tiện đến mép đường là 0,47 mét. Tâm hình chiếu trục trước bên phải phương tiện đến điểm mốc là 15,10 mét. Tâm hình chiếu trục sau bên trái phương tiện đến mép đường là 0,47 mét. Tâm hình chiếu trục sau bên phải phương tiện đến bình nước (10) là 2,07 mét

+ (4) Vết cày: Có chiều dài 0,42 mét; có vị trí trên phần đường bên phải theo hướng PV – LA, có chiều hướng từ hướng Nam sang hướng Bắc và có hình dáng thẳng. Tâm hình chiếu điểm đầu vết cày đến mép đường là 2,00 mét; đến điểm mốc là 29 mét và đến dấu chân vịt (11) là 6,75 mét. Tâm hình chiếu điểm cuối vết cày đến mép đường là 2,12 mét; đến điểm đầu vết cày (5) là 0,06 mét và đến dấu chân vịt (11) là 6,75 mét và đến điểm đầu vết cày (6) là 0,12 mét.

+ (5) Vết cày: Có chiều dài 0,54 mét; có vị trí trên phần đường bên phải theo hướng PV – LA, có chiều hướng từ hướng Nam sang hướng Bắc và có hình dáng thẳng. Tâm hình chiếu điểm cuối vết cày đến mép đường là 2,27 mét và đến mảnh vỡ (7) là 1,46 mét. Tâm hình chiếu điểm đầu vết cày đến mép đường là 2,10 mét.

+ (6) Vết cày: Có chiều dài 0,68 mét; có vị trí trên phần đường bên phải theo hướng PV – LA, có chiều hướng từ hướng Nam sang hướng Bắc và có hình dáng thẳng. Tâm hình chiếu điểm đầu vết cày đến mép đường là 2,24 mét. Tâm hình chiếu điểm cuối vết cày đến mép đường là 2,40 mét và đến mảnh vỡ (7) là 1,40 mét.

+ (7) Vùng mảnh vỡ: Có kích thước 2,02 mét, rộng 0,3 mét, có vị trí trên phần đường bên phải theo hướng Nam sang hướng Bắc và có hình dáng Elip. Tâm hình chiếu vùng mảnh vỡ đến mép đường là 1,62 mét và đến điểm đầu vết cày (8) là 1,36 mét.

+ (8) Vết cày: Có chiều dài 0,17 mét; có vị trí trên phần đường bên phải theo hướng PV – LA, có chiều hướng từ hướng Nam sang hướng Bắc và có hình dáng cong. Tâm hình chiếu điểm đầu vết cày đến mép đường là 2,53 mét. Tâm hình chiếu điểm cuối vết cày đến mép đường là 2,62 mét và đến điểm đầu vết cày (9) là 0,17 mét.

+ (9) Vết cày: Có chiều dài 0,33 mét; có vị trí trên phần đường bên phải theo hướng PV – LA, có chiều hướng từ hướng Nam sang hướng Bắc và có hình dáng hơi cong. Tâm hình chiếu điểm đầu vết cày đến mép đường là 2,63 mét. Tâm hình chiếu điểm cuối vết cày đến mép đường là 2,66 mét.

+ (10) Bình nước: Có vị trí trên phần đường bên phải theo hướng PV – LA; màu đỏ. Tâm hình chiếu bình đến mép đường là 3,47 mét.

+ (11) Vết chân vịt đi: Có vị trí trên trên ruộng sen bên phải theo hướng PV – LA cạnh phần đường xe chạy, dấu chân có chiều hướng từ Đông Bắc sang Tây Nam.

Biên bản khám phương tiện xe mô tô biển số kiểm soát 67B1 – 447.45 liên quan đến tai nạn giao thông vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 01 năm 2019, ghi nhận:

Dấu vết phương tiện: Chấn bầm phía trước bị vỡ hoàn toàn; Ốp nhựa phía trên đèn chiếu sáng, đèn chiếu sáng trước và đèn tín hiệu bên phải, bên trái bị gãy rơi ra khỏi vị trí ban đầu; Giá đỡ gương chiếu hậu bên trái bị lệch có chiều hướng từ trước ra sau, một góc khoảng  $15^{\circ}$ ; Đầu cao su tay cầm lái bên trái có dấu trầy xước kích thước 03 x 02 cm; Cần số xe bên trái phía sau bị cong có chiều hướng từ ngoài vào trong một góc khoảng  $15^{\circ}$ ; Góc chân trước bên trái bị cong có chiều hướng từ trước ra sau, một góc khoảng  $45^{\circ}$ ; Khung nâng xe phía sau bên trái có dấu trầy xước kích thước 30 x 2,5 cm; Ốp nhựa khung thân xe phía sau bên phải bị vỡ có kích thước 0,4 x 2,5 cm; Ốp nhựa đèn chiếu sáng bên phải và bên trái bị vỡ hoàn toàn; Ốp nhựa bảo vệ đèn báo hiem bị vỡ hoàn toàn; Giá đỡ gắn biển kiểm soát xe bị cong và có chiều hướng từ sau ra trước một góc khoảng  $135^{\circ}$ ; Trên giá đỡ gắn biển kiểm soát xe có vết trầy có kích thước 13 x 02 cm.

- Kỹ thuật an toàn phương tiện: Hệ thống lái, hệ thống phanh; Hệ thống đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu phải, trái phía trước không hoạt động; Hệ thống đèn tín hiệu phải, trái và đèn báo hiệu phía sau hoạt động bình thường.

Biên bản khám phương tiện xe ô tô tải biển số kiểm soát 67L – 6793 liên quan đến tai nạn giao thông vào lúc 09 giờ 40 phút, ngày 28 tháng 01 năm 2019, ghi nhận:

Về giấy tờ: Một giấy chứng nhận đăng ký xe số 0001201, cấp ngày 24/01/2007 do phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - Công an tỉnh AG cấp; Một giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 5387648, cấp ngày 23/12/2015 do Trạm đăng kiểm cơ giới CĐ cấp, có giá trị đến ngày 22/6/2016 cấp cho bà Tô Thị H biển số 67L - 6793

Dấu vết phương tiện: Cản chính phải trước bên phải có dấu trầy xước kích thước 17 x 6,0 cm. Tại vị trí trầy xước có vết màu đỏ kích thước 5 x 6 cm. Tâm dấu vết trầy xước đến mặt đất là 66 cm và vết trầy xước cách mép ngoài bên phải của cản chính là 42 cm; Ốp nhựa đèn chiếu sáng phía trước bên phải có dấu hiệu trầy xước kích thước 16 x 2 cm và tâm dấu vết đến mặt đất là 75cm; Đèn tín hiệu phía trước bên trái bị vỡ hoàn toàn. Mặt ga lăng phía trước bị gãy văng ra khỏi phương tiện

Kỹ thuật an toàn phương tiện: Hệ thống lái, hệ thống treo hoạt động bình thường; Gương chiếu hậu, kính chắn gió, gạt nước hoạt động bình thường; Đèn

tín hiệu phía trước bên trái hư hỏng; Đèn sương mù không hoạt động; Đèn chiếu sáng phía trước hoạt động bình thường.

Biên bản kiểm tra kỹ thuật số 04/BB-ĐKCD ngày 20/01/2019 của Trung tâm đăng kiểm phương tiện thủy, bộ tỉnh AG – Trạm đăng kiểm cơ giới CD, kết luận nhiều bộ phận của xe như: Hệ thống phanh, vô lăng, thanh và đòn dẫn động lái, khớp cầu và khớp chuyển hướng, ngồng quay lái, lốp xe và hộp số không đảm bảo an toàn.

Công văn số 27/TTĐKPTTB ngày 22/02/2019 của Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ - Sở Giao thông vận tải tỉnh AG: Căn cứ vào Biên bản kiểm tra kỹ thuật xe ô tô số 04/BB-ĐKCD ngày 29/01/2019 của Trạm Đăng kiểm xe cơ giới CD và Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Vào thời điểm kiểm tra ngày 29/01/2019 Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe 67L-6793 đã hết hiệu lực từ ngày 23/6/2016 và kết quả kiểm tra như trên (theo Biên bản số 04/BB-ĐKCD ngày 29/01/2019) thì xe ô tô 67L -6793 không thỏa mãn quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, nên không đủ điều kiện đưa vào lưu hành đường bộ.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 18, 19 /KL-TTHS ngày 14/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: Tổng thiệt hại đối với xe ô tô tải, biển kiểm soát 67L-6793 là: 900.000 đồng; Thiệt hại đối với mô tô, biển kiểm soát 67B1-447.45 là: 1.900.000 đồng.

Vật chứng thu giữ được trong vụ án:

- 01 (một) xe ô tô tải, biển kiểm soát 67L-6793, nhãn hiệu: QingQi, màu sơn xanh, số khung Ha 3660009093; số máy 80Y601001197, bị hư hỏng một số bộ phận sau vụ tai nạn (đã qua sử dụng);

- 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 67B1-447.45, nhãn hiệu VCM, màu sơn đỏ, số khung H6MN6H003039, số máy 2FMH10003039, bị hư hỏng sau vụ tai nạn (đã qua sử dụng).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Văn T: Ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị L, trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu. Hiện, ông X, bà L đã nhận số T 129.000.000 đồng, trong đó N bồi thường 20.000.000 đồng; T bồi thường 80.000.000 đồng và ông T tự nguyện xóa số nợ 29.000.000 đồng mà ông X mua vật liệu xây dựng của gia đình ông T về xây nhà. Ông X và bà L không yêu cầu N và T phải bồi thường thiệt hại thêm và cũng không yêu cầu xử lý hình sự đối với N và T. Đối với việc xe mô tô biển kiểm soát 67B1- 447.45 mà T điều khiển vào ngày 27/01/2019, bị hư hỏng, ông, bà xin được nhận lại xe mô tô trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Tô Thị H, khai: Vào năm 2007, bà H mua chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 67L -6793, với giá 125.000.000 đồng, để chở vật liệu xây dựng cho gia đình bà H. Đến năm 2011, bà H đã bán xe ô tô tải nêu trên cho Đỗ Thương T, với giá 50.000.000 đồng. Khi bán xe, giữa bà H và T chỉ thỏa thuận bằng miệng, không có làm hợp đồng mua bán

với nhau. Bà H đã giao xe, giấy đăng ký xe cho T nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Những người làm chứng trong vụ án, gồm các ông Đỗ Văn Q, Phan Thanh S, Lưu Văn L (Ốt), Nguyễn Thành N, Nguyễn Văn T (Năm T), Trương Văn N (Sáu N), Trần Thanh H (Cu) và bà Nguyễn Thị Tú A có lời khai phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Ngày 18/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Cao Tân N và Đỗ Thương T.

Cáo trạng số 36/CT-VKSTC ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG đã truy tố Cao Tân N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định điểm a khoản 2 Điều 260; Đỗ Thương T về tội “Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không đảm bảo an toàn” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 262 và tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo quy định điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo N và T; Ông X và bà L (đại diện hợp pháp của bị hại) giữ nguyên lời khai ở giai đoạn điều tra, truy tố.

Riêng ông X và bà L cho rằng, gia đình ông, bà đã làm thuê cho ông T và gia đình ông T từ rất lâu. Nguồn thu nhập chính của gia đình ông, bà chủ yếu từ T làm thuê cho gia đình ông T. Sự việc xảy ra, không ai muốn. Sau khi xảy ra việc đau lòng này, thì N và T đã kịp thời khắc phục, bồi thường thiệt hại và động viên, an ủi gia đình chúng tôi. Tại phiên tòa, chúng tôi tha thiết xin cho bị cáo T và N có thể được chấp hành án bên ngoài, không ở tù để T và N tiếp tục lao động tạo nguồn thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình bởi hai bị cáo là người lao động chính của gia đình.

Chủ tọa công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt; cho các bị cáo và người tham gia tố tụng xem các bản ảnh hiện trường, bản ảnh phương tiện, bản ảnh tử thi,... Bị cáo và người đại diện hợp pháp không có ý kiến.

Phát biểu quan điểm luận tội, Kiểm sát viên sau khi phân tích T chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Cao Tân N phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo N từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Bị cáo N có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

Bị cáo Đỗ Thương T phạm tội “Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không đảm bảo an toàn” và tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” áp dụng điểm a khoản 1 Điều 262; điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T số T 30.000.000 đồng về tội “Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không đảm bảo an toàn”, và xử phạt bị cáo số T 20.000.000 đồng về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”. Tổng hợp số T chung của bị cáo phải chịu 50.000.000 đồng.

Bị cáo T bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt T. Xét, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đỗ Thương T.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch giao trả cho T 01 (một) xe ô tô tải, biển kiểm soát 67L-6793; Giao trả cho ông X và bà L 01 (một) xe mô tô, biển kiểm soát 67B1-447.45,

Về trách nhiệm dân sự, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường các khoản thiệt hại khác nên không đề cập.

Trong phần tranh luận, các bị cáo Cao Tấn N và Đỗ Thương T không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Các bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo N xin được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Cao Tấn N gây tai nạn giao thông, đụng vào anh Lê Văn T, hậu quả anh T tử vong tại khu vực ấp PH, xã PV, thị xã TC nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại.

[3] Sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà H; người làm chứng ông Đỗ Văn Q, ông Phan Thanh S, ông Lưu Văn L, ông

Nguyễn Thanh Ng, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Tú A, ông Trương Văn N, ông Trần Thanh H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

*- Về nội dung:*

[1] Về hành vi của các bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai ở giai đoạn điều tra, truy tố không thay đổi không bổ sung gì thêm.

Mặc dù, bị cáo N không có giấy phép lái xe ô tô tải theo quy định, nhưng ngày 27/01/2019, bị cáo N đến bãi đậu xe của nhà bị cáo T lấy xe ô tô tải biển kiểm soát 67L- 6793, điều khiển đến khu vực Kênh 30/4 thuộc ấp PA B, xã PV, thị xã TC để lấy đất san lấp mặt bằng cho ông Nguyễn Văn T, khi chờ đất cho ông T được 02 chuyến, thì xe ô tô tải bị gãy cốt xe. Bị cáo N gọi điện cho bị cáo T nói việc xe ô tô tải bị hư, bị cáo T kêu bị cáo N đi đến Cửa hàng Nam Hòa Lợi thuộc khóm LT A, phường LT mua cốt xe mới về thay vào xe tải, nên bị cáo N đi mua rồi về thay vào xe ô tô tải. Đến khoảng 13 giờ 00 cùng ngày, bị hại T điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 67B1- 447.45 chạy trước, bị cáo N điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 67L-6793 chạy sau và khoảng cách giữa hai xe là khoảng 03 mét, tốc độ của cả 02 xe là khoảng 20 - 30 km/h. Khi cả hai đi đến khu vực tổ 6, ấp PH, xã PV, thị xã TC, anh T nhìn thấy một đàn vịt đi ngang đường nên anh T điều khiển xe mô tô chậm lại, nên khoảng cách giữa xe mô tô do anh T điều khiển và khoảng cách xe ô tô tải do bị cáo N điều khiển gần nhau. Lúc này, bị cáo N đạp phanh cho xe ô tô tải chạy chậm lại, nhưng không phanh được nên đầu xe ô tô tải, đụng vào phía sau xe mô tô do anh T điều khiển, làm xe mô tô và anh T ngã xuống đường, bánh xe sau phía bên trái của xe ô tô tải cán lên người của anh T. Hậu quả anh T tử vong trên đường đến Bệnh viện đa khoa khu vực TC.

Đối với, bị cáo Đỗ Thương T, vì mục đích lợi nhuận nên mặc dù bị cáo T biết bị cáo N không có giấy phép lái xe ô tô tải theo quy định, nhưng bị cáo T vẫn giao cho bị cáo N điều khiển xe ô tô tải, biển kiểm soát 67L-6793. Đồng thời, bị cáo T biết xe ô tô tải nêu trên, đã hết hạn đăng kiểm nhưng bị cáo T vẫn giao cho bị cáo N sử dụng để chở đất đi san lấp mặt bằng cho người khác. Vào ngày 27/01/2019, khi bị cáo N và anh T đang thực hiện công việc chở đất cho ông T thì bị cáo N gây tai nạn hậu quả làm anh Lê Văn T chết.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng các ông Đỗ Văn Q, Phan Thanh S, Lưu Văn L (Ốt), Nguyễn Thành N, Nguyễn Văn T (Năm T), Trương Văn N (Sáu N), Trần Thanh H (Cu) và bà Nguyễn Thị Tú A; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Tô Thị H. Đồng thời, lời khai của bị cáo còn phù hợp với hiện trường vụ tai nạn được thể hiện tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 27/01/2019, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 27/01/2019, bản ảnh hiện trường ngày 27/01/2019 do Đội Cảnh sát

giao thông – Công an thị xã TC lập; phù hợp với các dấu vết để lại trên xe ô tô tải biển kiểm soát 67L-6793 do bị cáo điều khiển theo biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 28/01/2019 và xe mô tô, biển kiểm soát 67B1- 447.45 do bị hại T điều khiển theo biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 28/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TC; Kết luận giám định pháp y tử thi số 16/KLGT-PC54, ngày 27/01/2019 của Trung Tâm pháp y - Sở y tế, tỉnh AG, nguyên nhân chết của anh Lê Văn T do chấn thương sọ não, vỡ sụn sọ; Biên bản kiểm tra kỹ thuật số 04/BB-ĐKCD ngày 20/01/2019 của Trung tâm đăng kiểm phương tiện thủy, bộ tỉnh AG – Trạm đăng kiểm cơ giới CD; Công văn số 27/TTĐKPTTB ngày 22/02/2019 của Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ - Sở Giao thông vận tải tỉnh AG và nhiều tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các chứng cứ trên, đủ căn cứ xác định bị cáo N đã có hành vi điều khiển xe ô tô tải, không có giấy phép xe theo quy định, khoảng cách xe không đảm bảo an toàn nên đụng anh Lê Văn T, dẫn đến anh T tử vong. Mặc dù với lỗi vô ý, nhưng bị cáo N phải chịu trách nhiệm với hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo N là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lái xe, không có giấy phép lái xe theo quy định là vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại về T mạng của anh T tử vong là vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 58 Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

Hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” với tình tiết định khung cấu thành tăng nặng “không có giấy phép lái xe theo quy định” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ Luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo T, vì mục đích lợi nhuận ngày 27/01/2019, mặc dù bị cáo T biết xe ô tô tải biển số kiểm soát 67L-6793, đã hết hạn đăng kiểm và biết bị cáo N không có giấy phép lái xe theo quy định, nhưng bị cáo T vẫn thuê bị cáo N và giao xe ô tô tải nêu trên cho bị cáo N điều khiển để chở đất đi san lấp mặt bằng cho ông T. Đến khoảng hơn 13 giờ 00 cùng ngày, bị cáo N gây tai nạn hậu quả làm anh T chết. Cho nên, bị cáo T vẫn có lỗi trong việc bị cáo N gây tai nạn là anh T tử vong mặc dù với lỗi vô ý, nhưng bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm với hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc giao xe cho người lái xe khi không có giấy phép lái xe theo quy định và đưa xe ô tô tải, biển số kiểm soát 67L -6793 không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ là vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại về T mạng của người khác. Hành vi của bị cáo T vi phạm quy tắc giao thông đường bộ quy định tại khoản 4 và khoản 10 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008, xâm phạm đến sự an toàn của hoạt động giao thông vận tải đường bộ cũng như sự an toàn về T mạng, sức khỏe của người khác.

Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không đảm bảo an toàn” theo điểm a khoản 1 Điều 262 và tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 264 Bộ Luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo N và T luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; nhân thân tốt, chưa có T án, T sự; phạm tội lần đầu; gia đình bị hại có đơn giảm nhẹ hình phạt và đơn bãi nại. Bị cáo N thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo. Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hình phạt:

- Hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự cộng đồng, vô ý gây thiệt hại đến T mạng của anh T. Xét, phải có mức hình phạt nghiêm cách ly bị cáo với bên ngoài xã hội trong một thời gian nhất định để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử bị cáo N dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như quan điểm Viện Kiểm sát.

Về hình phạt bổ sung, bị cáo N có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo T, phạm tội xuất phát từ mục đích lợi nhuận nên căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc T chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Xét, áp dụng mức hình phạt T đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Hình phạt bổ sung, bị cáo T bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt T. Xét, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo đã bồi thường tổng số tiền 129.000.000 đồng cho gia đình bị hại. Đồng thời, gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại thêm nên không đề cập đến.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 18,19/KL-TTHS ngày 14/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự: Tổng thiệt hại đối với xe ô tô tải, biển kiểm soát 67L-6793 là 900.000 (Chín trăm ngàn) đồng; Tổng thiệt hại đối với mô tô, biển kiểm soát 67B1-447.45 là 1.900.000 (Một triệu chín trăm ngàn) đồng, bị cáo T và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng, đối với xe mô tô biển số 67B1-447.45, nhãn hiệu VCM, màu sơn đỏ, số khung H6MN6H003039, số máy 2FMH10003039 (đã qua sử dụng), bị hư hỏng sau vụ tai nạn của bị hại Lê Văn T. Ông X và bà L là hàng thừa kế thứ nhất của anh T và có yêu cầu nhận lại xe. Xét, giao trả xe mô tô biển số 67B1-447.45 cho đại diện hợp pháp bị hại (ông X và bà L) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự, điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 (một) xe ô tô tải, biển kiểm soát 67L-6793, nhãn hiệu: QingQi, màu sơn xanh, số khung Ha 3660009093; số máy 80Y601001197 (đã qua sử dụng), bị hư hỏng một số bộ phận sau vụ tai nạn.

Công văn số 27/TTĐKPTTB ngày 22/02/2019 của Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ - Sở Giao thông vận tải tỉnh AG: vào thời điểm kiểm tra ngày 29/01/2019 Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe 67L- 6793 đã hết hiệu lực từ ngày 23/6/2016 và kết quả theo biên bản số 04/BB-ĐKCD ngày 29/01/2019 thì xe ô tô trên không thỏa mãn quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường nên không đủ điều kiện đưa vào lưu hành đường bộ.

Xét, giao trả cho bị cáo Đỗ Thương T 01 (một) xe ô tô tải, biển kiểm soát 67L-6793, nhãn hiệu: QingQi, màu sơn xanh, số khung Ha 3660009093; số máy 80Y601001197 (đã qua sử dụng), bị hư hỏng một số bộ phận sau vụ tai nạn theo quy định điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Cấm bị cáo T đưa xe ô tô tải biển số 67L -6793 tham gia lưu thông đường bộ theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra - Công an thị xã TC với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC ngày 16/9/2019).

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

Tuyên bố bị cáo Cao Tấn N phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*";

Xử phạt: Cao Tấn N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được T kể từ ngày bị bắt chấp hành án.

*Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 262; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thương T phạm tội “Tội đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không bảo đảm an toàn”;

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Thương T 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

*Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 264; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thương T phạm tội “Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”;

Xử phạt: bị cáo Đỗ Thương T 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

*Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.*

Tổng hợp hình phạt của “Tội đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không bảo đảm an toàn” và “Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”, bị cáo Đỗ Thương T phải chịu hình phạt chung là: 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với khoản tiền mà bị cáo phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự, điểm b khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

- Giao trả 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 67B1-447.45, nhãn hiệu VCM, màu sơn đỏ, số khung H6MN6H003039, số máy 2FMH10003039, bị hư hỏng một số bộ phận sau vụ tai nạn (đã qua sử dụng), cho đại diện hợp pháp bị hại ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị L.

- Giao trả cho bị cáo Đỗ Thương T 01 (một) xe ô tô tải, biển kiểm soát 67L-6793, nhãn hiệu: QingQi, màu sơn xanh, số khung Ha 3660009093; số máy 80Y601001197, bị hư hỏng một số bộ phận sau vụ tai nạn (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra - Công an thị xã TC với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC ngày 16/9/2019).

*Căn cứ khoản 4 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008;*

Cấm bị cáo Đỗ Thương T đưa xe ô tô tải, biển kiểm soát 67L-6793, nhãn hiệu: QingQi, màu sơn xanh, số khung Ha 3660009093; số máy 80Y601001197 tham gia lưu thông đường bộ.

*Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Các bị cáo N, T; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo N, bị cáo T, đại diện hợp pháp bị hại (ông Lê Văn X, bà Nguyễn Thị L) có mặt có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người liên quan bà Tô Thị H vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND thị xã (1);
- Viện KSND tỉnh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giam (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thị xã (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Bạch Tuyết**